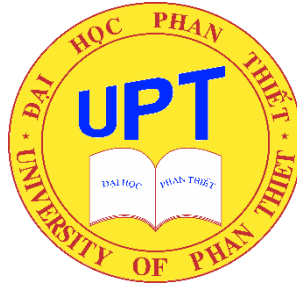


TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT
KHOA TÀI CHÍNH-KẾ TOÁN-NGÂN HÀNG



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH KẾ TOÁN

Năm 2021

NGÀNH KẾ TOÁN

TÊN CHƯƠNG TRÌNH : CỬ NHÂN KẾ TOÁN
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO : ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO : KẾ TOÁN
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO : 7340301
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO : CHÍNH QUY

NĂM 2021

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm Quyết định số 212/QĐ-ĐHPT ngày 12 tháng 06 năm 2021
của Trường Đại học Phan Thiết)*

A. Thông tin tổng quát (General information)

1. Tên chương trình tiếng Việt: Kế Toán
2. Tên chương trình tiếng Anh: Accounting
3. Trình độ đào tạo: Đại học
4. Ngành đào tạo tiếng Việt: Kế Toán
5. Ngành đào tạo tiếng Anh: Accounting
6. Mã ngành: 7340301
7. Thời gian đào tạo: 3.5 năm
8. Loại hình đào tạo: Chính quy, tập trung
9. Số tín chỉ: 143 tín chỉ
10. Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân/Đại học
11. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

B. Mục tiêu đào tạo và Chuẩn đầu ra (Program goals and Learning outcomes)

1. Mục tiêu đào tạo (Program goals)

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội; nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về kế toán; thiết kế và điều hành hệ thống kế toán trong các đơn vị kế toán; có tư duy độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức:

- PO1: Có sự hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh; có kiến thức cơ bản trong các lĩnh vực Khoa học tự nhiên và xã hội và kiến thức chung về khối ngành kinh tế.

- PO2: Cử nhân Kế toán được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về lập, phân loại, tổng hợp chứng từ kế toán; ghi sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp; lập các báo cáo thuế, báo cáo kế toán tài chính và báo cáo kế toán quản trị trong các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính, sự nghiệp; có nghiệp vụ kiểm toán, nghiệp vụ kiểm soát, hình thành ý kiến đánh giá và tư vấn cho nhà quản lý

1.2.2. Về kỹ năng

- PO3: Sinh viên có kỹ năng lập, phân loại, tổng hợp chứng từ kế toán; ghi sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp. Có kỹ năng lập các báo cáo thuế, báo cáo kế toán tài chính và báo cáo kế toán quản trị trong các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính, sự nghiệp.

- PO4: Kỹ năng tư vấn cho lãnh đạo doanh nghiệp về lĩnh vực kế toán và tham gia xây dựng mô hình chung về tổ chức hạch toán ở doanh nghiệp. Kỹ năng làm việc theo nhóm; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình; kỹ năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành;

1.2.3. Về thái độ

PO5: Có trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo; Có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp; Có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao

1.2.4. Về vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Cử nhân ngành kế toán có thể làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước thuế, tài chính, kế toán kiểm toán.

Cử nhân kế toán có thể làm việc trong các tập đoàn, tổng công ty, công ty đầu tư phát triển kế toán, các công ty kinh doanh dịch vụ kế toán; các ngân hàng và các tổ chức tài chính,... cán bộ nghiên cứu và giảng dạy trong các viện nghiên cứu, các

trường đại học.

1.2.5. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Có nền tảng tốt để tiếp tục học lên bậc học cao hơn như Thạc sĩ, Tiến sĩ của Trường Đại học Phan Thiết, các trường đại học trong nước, các trường ngoài nước hoặc các chương trình liên kết được cấp phép của Bộ GD&ĐT của các Trường Đại học trong nước với các trường Đại học nước ngoài.

Có năng lực thăng tiến lên cấp quản trị cấp trung (sau 3 - 5 năm tích lũy kinh nghiệm làm việc).

2. Chuẩn đầu ra (Program learning outcomes)

Chuẩn đầu ra	Giải thích	Nhóm CDR
PLO1	Vận dụng được kiến thức nền tảng về kinh tế, quản lý và pháp luật	Kiến thức
PLO2	Vận dụng được những kiến thức về nghiệp vụ kế toán kiểm toán	
PLO3	Ứng dụng kỹ năng nhận diện, phân tích, đánh giá các vấn đề trong lĩnh vực kế toán kiểm toán.	Kỹ năng
PLO4	Ứng dụng kỹ năng tư duy phân biện, suy luận logic và xử lý các tình huống phát sinh trong công việc.	
PLO5	Ứng dụng công nghệ thông tin trong chuyên môn nghiệp vụ kế toán kiểm toán.	
PLO6	Sử dụng ngoại ngữ thành thạo trong giao tiếp và chuyên môn kế toán kiểm toán.	
PLO7	Tổ chức, điều hành công việc một cách khoa học	Năng lực tự chủ và trách nhiệm
PLO8	Ứng xử, giao tiếp và làm việc nhóm một cách hiệu quả	
PLO9	Tư duy sáng tạo, giải quyết được các vấn đề nghiệp liên quan đến kế toán kiểm toán.	
PLO10	Hình thành ý thức tự phát triển bản thân và khả năng học tập suốt đời	

PLO11	Tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp, Thực thi trách nhiệm với công việc và với xã hội, Tuân thủ pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.	
-------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng khối lượng kiến thức tích lũy cho toàn khóa tối thiểu là 143 tín chỉ, đã bao gồm Giáo dục Thể chất (3 tín chỉ) và Giáo dục Quốc phòng (8 tín chỉ).

4. Đối tượng tuyển sinh

Công dân đã có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Chương trình thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành tại Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007, được sửa chữa bổ sung một số điều theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các điều kiện được quy định tại điều 27 Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007, được sửa chữa, bổ sung một số điều theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

- Tích lũy đủ số tín chỉ môn học và khối lượng kiến thức quy định cho CTĐT mỗi khóa.

- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.00 trở lên.

- Đạt điểm rèn luyện từ 5.0 trở lên (tối thiểu xếp loại trung bình/ toàn khóa học)

- Có chứng chỉ tin học cơ bản và nâng cao do trường Đại học Phan Thiết cấp.

- Có chứng chỉ tiếng Anh: Chứng chỉ Toeic quốc tế (còn thời hạn) hoặc do Trung tâm phát triển nguồn nhân lực trường đại học Phan Thiết cấp đạt từ 500 điểm(*).

(*). Hoặc Quy đổi Toeic tương đương 500 điểm như sau: Đạt 4.5 (IELTS); 53 (TOEFL iBT).

- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng và hoàn thành môn học Giáo dục Thể chất

- Chứng nhận hoạt động cộng đồng (35 ngày công ích)

6. Cách thức đánh giá

Chương trình sử dụng thang điểm 10, quy đổi tương đương sang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy định của Trường.

7. Nội dung chương trình

ST T	Mã học Phần	Tên học Phần	Số tín chỉ				
			Lý thuyết	Thực hành/ thí nghiệm	Đồ án	Thực tập	Tổng
I. Toán và Khoa học tự nhiên			6	3			9
1	19125	Toán cao cấp	3				3
2	200026	Tin học căn bản		3			3
3	190345	Thống kê ứng dụng	3				3
II.Kiến thức chung							
		2.1-Lý luận chính trị	13				13
4	190441	Triết học Mác – Lênin	3				3
5	190117	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2				2
6	190014	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2				2
7	190443	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				2
8	190152	Lịch sử Đảng Cộng sản VN	2				2

ST T	Mã học Phần	Tên học Phần	Số tín chỉ				
			Lý thuyết	Thực hành/ thí nghiệm	Đồ án	Thực tập	Tổng
		2.2- Khoa học xã hội					
9	190255	Pháp luật đại cương	2				2
III. Khối kiến thức bổ trợ							
		3.1-Ngoại ngữ	15				15
10	200025	Tiếng Anh 1	3				3
11	190365	Tiếng Anh 2	3				3
12	190366	Tiếng Anh 3	3				3
13	190367	Tiếng Anh 4	3				3
14	190368	Tiếng Anh 5	3				3
		3.2-Giáo dục thể chất		3			3
15	190060	Giáo dục Thể chất 1		2			2
16	190061	Giáo dục Thể chất 2		1			1
		<i>Chọn 1 trong các học phần sau:</i>					
		Thể dục nhịp điệu					
		Bóng chuyền					
		3.3-Giáo dục An ninh – quốc phòng		8			8
17	190059	Giáo dục Quốc phòng		8			8
IV. Khối kiến thức cơ sở và cơ sở ngành			38	6			44
		4.1 Khối kiến thức cơ sở	15				15
18	190123	Kinh tế vi mô	3				3
19	190124	Kinh tế vĩ mô	3				3

ST T	Mã học Phần	Tên học Phần	Số tín chỉ				
			Lý thuyết	Thực hành/ thí nghiệm	Đồ án	Thực tập	Tổng
20	200013	Marketing căn bản	3				3
21	190257	Pháp Luật kinh tế	2				2
22	190270	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2				2
23	200028	Toán tài chính	2				2
		4.2 Khối kiến thức cơ sở ngành	23	6			29
24	200016	Nguyên lý kế toán	3				3
25	190242	Nhập môn Tài chính tiền tệ	3				3
26	190093	Kế toán ngân hàng thương mại	3				3
27	190316	Quản trị tài chính doanh nghiệp 1	2				2
28	190226	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3				3
29	190371	Tiếng anh chuyên ngành kế toán	3				3
30	190431	Tin học kế toán 1		3			3
31	190432	Tin học kế toán 2		3			3
32	190094	Kế toán quản trị	3				3
		<i>Tự chọn 1: Chọn 1 trong các môn sau theo thứ tự ở cột ghi chú</i>	3				3
33	200053	Kế toán ngân sách					
34	190092	Kế toán Mỹ					
35	200047	Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp					
V. Khối kiến thức chuyên ngành			38	4			42
		Bắt buộc					

ST T	Mã học Phần	Tên học Phần	Số tín chỉ				
			Lý thuyết	Thực hành/ thí nghiệm	Đồ án	Thực tập	Tổng
36	200024	Thuế	3				3
37	190095	Kế toán tài chính 1	4				4
38	190096	Kế toán tài chính 2	3				3
39	190097	Kế toán tài chính 3	3				3
40	190084	Kế toán chi phí giá thành	3				3
41	190249	Phân tích hoạt động kinh doanh	3				3
42	190111	Kiểm toán 1	2				2
43	190112	Kiểm toán 2	3				3
44	190098	Kế toán tài chính 4	3				3
45	190075	Hệ thống thông tin kế toán	3				3
46	200051	Kế toán thuế	3				3
		Tự chọn 2: Chọn 1 trong các môn sau theo thứ tự ở cột ghi chú	2				2
47	190362	Thuế ứng dụng					
48	200050	Lý thuyết kế toán					
		Tự chọn 3: Chọn 1 trong các môn sau theo thứ tự ở cột ghi chú	3				3
49	190088	Kế toán hành chính sự nghiệp					
50	190109	Kiểm soát nội bộ					
51	200052	Kiểm toán nội bộ					
		Tự chọn 4: Chọn 1 trong các môn sau theo thứ tự ở cột ghi chú		4			4

ST T	Mã học Phần	Tên học Phần	Số tín chỉ				
			Lý thuyết	Thực hành/ thí nghiệm	Đồ án	Thực tập	Tổng
52	190089	Kế toán mô phỏng					
53	200048	Thực hành sổ sách kế toán					
VI. Kiến thức đồ án, tốt nghiệp						9	9
		6.1. Chuyên đề: không có					
		6.2. Kiến tập: không có					
		6.3. Thực tập & KLTN (hoặc học môn thay thế)				9	9
54	200057	Khoá luận				9	
		<i>Môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp</i>					
55	190130	Kỹ năng mềm				3	
56	190360	Thực tập tốt nghiệp				6	

Ghi chú: TC: tín chỉ

LT: Lý thuyết

TH/TT: Thực hành/thực tập

8. Kế hoạch giảng dạy

Học kỳ	Tổng g TC	ST T	Code	Tên học phần	LT	TH , TN	Đ A	T T	Điều kiện		
									T Q	H T	S H
I	14										
	3	1	20002 5	Tiếng anh 1	X						

Học kỳ	Tổng TC	ST T	Code	Tên học phần	LT	TH , TN	Đ A	T T	Điều kiện		
									T Q	H T	S H
	3	2	200013	Marketing căn bản	X						
	2	3	200028	Toán tài chính	X						
	3	4	190242	Nhập môn tài chính tiền tệ	X						
	3	5	200016	Nguyên lý kế toán	X						
II	16										
	2	6	190060	Giáo dục thể chất 1		X					
	2	7	190255	Pháp luật đại cương	X						
	3	8	190123	Kinh tế vi mô	X						
	3	9	190365	Tiếng Anh 2	X						
	2	10	220022	Quản trị tài chính doanh nghiệp 1	X						
	4	11	190095	Kế toán tài chính 1	X						
III	16										
	1	12	190061	Giáo dục thể chất 2		X					
	3	13	190366	Tiếng Anh 3	X						
	3	14	190345	Thống kê ứng dụng	X						

Học kỳ	Tổng TC	ST T	Code	Tên học phần	LT	TH , TN	Đ A	T T	Điều kiện		
									T Q	H T	S H
	3	15	190124	Kinh tế vĩ mô	X						
	3	16	190441	Triết học Mác Lênin	X						
	3	17	190096	Kế toán tài chính 2	X						
IV	14										
	3	18	200026	Tin học căn bản		X					
	3	19	190367	Tiếng Anh 4	X						
	2	20	190257	Pháp luật kinh tế	X						
	3	21	190226	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	X						
	3	22	190097	Kế toán tài chính 3	X						
V	14										
	3	23	190368	Tiếng Anh 5	X						
	3	24	19125	Toán cao cấp	X						
	3	25		Môn học tự chọn 1	X						
	3	26	190093	Kế toán ngân hàng thương mại	X						
	2	27	190111	Kiểm toán 1	X						
VI	21										

Học kỳ	Tổng TC	ST T	Code	Tên học phần	LT	TH , TN	Đ A	T T	Điều kiện		
									T Q	H T	S H
	8	28	190059	Giáo dục quốc phòng – an ninh	X						
	2	29	190270	Phương pháp nghiên cứu khoa học	X						
	2	30	190117	Kinh tế chính trị Mác Lênin	X						
	3	31	190098	Kế toán tài chính 4	X						
	3	32	200024	Thuế	X						
	3	33	190431	Tin học kế toán 1 (Kế toán Excel)		X					
VII	14										
	2	34	190014	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X						
	3	35	190432	Tin học kế toán 2 (Phần mềm kế toán)		X					
	3	38	190371	Tiếng anh chuyên ngành kế toán	X						
	3	39	190075	Hệ thống thông tin kế toán	X						
	3	40	190094	Kế toán quản trị	X						
VII I	13										
	2	41	190443	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X						
	3	42	190084	Kế toán chi phí giá thành	X						

Học kỳ	Tổng TC	ST T	Code	Tên học phần	LT	TH , TN	Đ A	T T	Điều kiện		
									T Q	H T	S H
	2	43		Môn học tự chọn 2	X						
	3	44	190249	Phân tích kết quả HĐKD	X						
	3	45	200051	Kế toán thuế	X						
IX	12				X						
	2	46	190152	Lịch sử Đảng Cộng sản VN	X						
	3	47		Môn học tự chọn 3	X						
	4	48		Môn học tự chọn 4		X					
	3	49	190112	Kiểm toán 2	X						
X	9										
				<i>Tự chọn</i>							
	9	50	200057	Khoá luận tốt nghiệp				X			
	9			<i>Môn học thay thế</i>							
	6	51	190360	Thực tập tốt nghiệp				X			
	3	52	190130	Kỹ năng mềm				X			
	143		Tổng cộng								

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

9.1. Xây dựng đề cương chi tiết các môn học

Trên cơ sở chương trình đào tạo, giảng viên biên soạn đề cương chi tiết theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường với một số điểm cần lưu ý:

- Việc triển khai chi tiết các môn học phải đảm bảo tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, cần qui định các môn học tiên quyết của môn học kế tiếp trong chương trình đào tạo.

- Về nội dung: Trừ phần kiến thức tự chọn, các môn học còn lại là bắt buộc thực hiện. Nội dung trong đề cương là những nội dung cốt lõi của môn học. Có thể bổ sung thêm nội dung hay thời lượng cho một môn học nào đó, phần thời lượng thêm vào được lấy từ thời lượng môn học tự học của khối kiến thức tương ứng.

- Phần kiến thức tự chọn: Sinh viên lựa chọn các môn học trên cơ sở số tín chỉ tích lũy quy định cho nhóm môn học tự chọn để đảm bảo tích lũy đủ số tín chỉ. Phần kiến thức tự chọn, hàng năm có thể thay đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu cập nhật và hội nhập.

- Về yêu cầu thực hiện số lượng bài tập (nếu có) của các môn học do giảng viên qui định nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức lý thuyết, rèn luyện kỹ năng cần thiết.

- Tất cả các môn học đều phải có giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo, tài liệu hướng dẫn... đã in sẵn cung cấp cho sinh viên. Tùy theo nội dung các môn học, giảng viên xác định phương pháp giảng dạy cho phù hợp.

9.2. Định hướng phương pháp dạy học

- Chương trình được biên soạn theo hướng đổi mới các phương pháp dạy và học đại học: giảm số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự học tập, nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực tập;

- Khối kiến thức của chương trình phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định cho chương trình giáo dục trình độ đại học 3.5 năm.

9.3. Định hướng đánh giá

- Đánh giá học tập thường xuyên bằng kiểm tra lý thuyết, thực hành, viết tiểu luận, vấn đáp.

- Tổ chức thi kết thúc môn học theo hình thức: tự luận, trắc nghiệm khách quan, viết tiểu luận hoặc kết hợp với các hình thức trên.

- Quy trình tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá thực hiện theo quy chế hiện hành của nhà

trường.

9.4. Tốt nghiệp

Ngoài môn thực tập tốt nghiệp, sinh viên thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc học các môn học tích lũy thay thế khóa luận theo quy định của Khoa, cụ thể:

9.4.1. Tốt nghiệp với Khóa luận tốt nghiệp (KLTN) Điều kiện làm KLTN:

Dựa theo Điều 15 Chương III của quyết định 215/QĐ-ĐHPT ngày 15/06/2021 về việc ban hành quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường đại học Phan Thiết.

9.4.2. Tốt nghiệp với các môn học thay thế KLTN:

Đối với các học phần tích lũy để tốt nghiệp, sinh viên có thể tích lũy dần dần ở các học kỳ.

Sinh viên có thể đăng ký các môn học thay thế KLTN trước khi thực tập tốt nghiệp.

10. Mối liên hệ giữa mục tiêu chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra

CĐR (PLO)	NỘI DUNG	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5
PLO1	Vận dụng được kiến thức nền tảng về kinh tế, quản lý và pháp luật		X			
PLO2	Vận dụng được những kiến thức về nghiệp vụ kế toán kiểm toán		X			
PLO3	Ứng dụng kỹ năng nhận diện, phân tích, đánh giá các vấn đề trong lĩnh vực kế toán kiểm toán.			X		
PLO4	Ứng dụng kỹ năng tư duy phản biện, suy luận logic và xử lý các tình huống phát sinh trong công việc.	X		X		
PLO5	Ứng dụng công nghệ thông tin trong chuyên môn nghiệp vụ kế toán kiểm toán.			X	X	
PLO6	Sử dụng ngoại ngữ thành thạo trong giao tiếp và chuyên môn kế toán			X		

CDR (PLO)	NỘI DUNG	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5
	kiểm toán.					
PLO7	Tổ chức, điều hành công việc một cách khoa học		X	X	X	X
PLO8	Ứng xử, giao tiếp và làm việc nhóm một cách hiệu quả	X	X		X	X
PLO9	Tư duy sáng tạo, giải quyết được các vấn đề nghiệp liên quan đến kế toán kiểm toán.		X	X	X	X
PLO10	Hình thành ý thức tự phát triển bản thân và khả năng học tập suốt đời	X	X	X	X	X
PLO11	Tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp, Thực thi trách nhiệm với công việc và với xã hội, Tuân thủ pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.	X	X			X

11. Mối liên hệ giữa mục tiêu học phần và chuẩn đầu ra

Ghi chú: M (Master), R (Reinforced), I (Introduction)

Chuẩn đầu ra	PLOs											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
Tên học phần												
Toán cao cấp	I			R								
Tin học căn bản	I				M							
Thống kê ứng dụng	I											
Triết học Mác – Lênin	I									I		
Kinh tế chính trị Mác - Lênin	I	I	R	R			M	M	R	R		
Chủ nghĩa xã hội khoa học	I			I				I				
Tư tưởng Hồ Chí Minh	I			I				I				
Lịch sử Đảng Cộng sản VN	I			I				I				I
Pháp luật đại cương	M			I				I				

Chuẩn đầu ra	PLOs											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
Tên học phần												
Tiếng Anh 1						I	I	I				
Tiếng Anh 2						I					I	
Tiếng Anh 3						I					I	
Tiếng Anh 4						M					I	
Tiếng Anh 5							M				I	
Giáo dục Thể chất 1											I	
Giáo dục Thể chất 2											I	
Kinh tế vi mô	M		I									
Kinh tế vĩ mô	R		I	I				R				
Marketing căn bản	R						I	I				
Pháp Luật kinh tế	M											I
Phương pháp nghiên cứu khoa học		R	R								R	
Toán tài chính	R			R								
Nguyên lý kế toán		M							R			
Nhập môn Tài chính tiền tệ	I		I					R				
Kế toán ngân hàng thương mại	I	M	M									
Quản trị tài chính doanh nghiệp 1	R		R									
Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	R		R									
Tiếng anh chuyên ngành kế toán						M					I	I
Tin học kế toán 1		M	R		M		R	R				
Tin học kế toán 2	I	M	R		M		R	R				
Kế toán quản trị		M	M				R	R				
Kế toán ngân sách	R	M	M								I	I
Kế toán Mỹ	R	M	M		M						I	I
Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp	R	M	M								I	R

Chuẩn đầu ra	PLOs											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
Tên học phần												
Thuế	M	M	R						R			
Kế toán tài chính 1	M	M	M						R		R	
Kế toán tài chính 2	M	M	M						R		R	
Kế toán tài chính 3	M	M	M						R		R	
Kế toán chi phí giá thành	M	M	M						R		R	
Phân tích hoạt động kinh doanh	M	M	M						R		R	
Kiểm toán 1	M	M	M	R			R	I	R			
Kiểm toán 2	M	M	M	R			R	I	R		R	
Kế toán tài chính 4	M	M	M						R		R	
Hệ thống thông tin kế toán	R	M	M		M				R			
Thuế ứng dụng	R	M	M	M					R		R	
Lý thuyết kế toán	M	M	M	R			I		R			
Kế toán thuế	M	M	M	R							R	
Kế toán hành chính sự nghiệp	M	M	M	R							R	
Kiểm soát nội bộ	M	M	M	R			R	I	R			
Kiểm toán nội bộ	M	M	M	R			R	I	R			
Kế toán mô phỏng	M	M	M	R	M					R	R	
Thực hành sổ sách kế toán	M	M	M	R	M					R	R	
Khoá luận	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	
Kỹ năng mềm							R	R	I	R	R	
Thực tập tốt nghiệp	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	

12. Ma trận đối sánh CĐR CTĐT theo khung trình độ quốc gia bậc Đại học

CDR theo khung trình độ QG	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	K T1	K T2	K T3	K T4	K T5	K N1	K N2	K N3	K N4	K N5	K N6	TCT N1	TCT N2	TCT N3	TCT N4
CDR CTĐT															
PLO1		X													
PLO2	X			X	X										
PLO3						X									
PLO4								X							
PLO5			X												
PLO6											X				
PLO7										X			X		X
PLO8									X			X			
PLO9												X			
PLO10														X	
PLO11							X								

13. Đề cương chi tiết học phần